

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Đình Phùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 26-02-1973. Cư trú số 60, tổ 02, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1977. Cư trú số 60, tổ 02, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 22-10-2020, Ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông M và bà H chung sống từ năm 1994, được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày đăng ký 26-9-2003.

Nguyên nhân ly hôn: Năm 2011, bà H tự ý bỏ nhà đi nên Ông M không rõ bà H đang sinh sống ở đâu. Mặc dù vậy, Ông M và các con có liên lạc được bà H, động viên bà H về tiếp tục sống chung nhưng bà H vẫn từ chối, tiếp tục ly thân với Ông M kể từ đó đến nay. Ông M yêu cầu ly hôn với bà H.

Về quan hệ con chung: Ông M và bà H có được 03 đứa con, gồm: Nguyễn Hồ Kim Ng, sinh ngày 17-9-1995, Nguyễn Hồ Kim Ng1, sinh ngày 10-7-2000 đang có cuộc sống gia đình riêng và Nguyễn Hồ Ngọc Ng2, sinh ngày 03-8-2005 đang sống cùng với Ông M. Khi ly hôn, Ông M yêu cầu nuôi con Nguyễn Hồ Ngọc Ng2, không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ông M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, bị đơn đã không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông M yêu cầu ly hôn với bà H là có cơ sở chấp nhận. Từ khi vợ, chồng Ông M, bà H ly thân đến nay, trẻ Nguyễn Hồ Ngọc Ng2 được Ông M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Ngoài ra, trẻ Ngọc Ngà có ý kiến nguyện vọng sống cùng với Ông M nên Ông M yêu cầu nuôi con là có căn cứ, Ông M không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản sao trích lục kết hôn số 764/TLKH-BS ngày 21-9-2020 của Ủy ban nhân dân xã B cấp cho Ông M và bà H; Bản sao giấy khai sinh số 245, quyển số 01/05 ngày 28-9-2009 của Ủy ban nhân dân xã B cấp cho Nguyễn Hồ Ngọc Ng2; Bản sao giấy khai sinh số 36, Quyển số 01/99 ngày 28-9-2009 của Ủy ban nhân dân xã B cấp cho Nguyễn Hồ Kim Ng; Bản sao giấy khai sinh số 286, Quyển số 02/2000 ngày 28-9-2009 của Ủy ban nhân dân xã B cấp cho Nguyễn Hồ Kim Ng1; Biên bản xác minh ngày 24-3-2021 về tình cư trú và tình trạng hôn nhân gia đình của bà H với Ông M; Biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Nguyễn Hồ Ngọc Ng2 ngày 24-3-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ông M có đơn khởi kiện đối với bà H về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Bà H có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật

của vụ án xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông M và bà H xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 26-9-2003 nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, Ông M cho rằng bà H tự ý bỏ nhà ra đi từ khoảng năm 2011, Ông M và các con động viên bà H về chung sống nhưng bà H đều từ chối và ly thân kể từ đó đến nay. Qua ý kiến của Ông M, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của Ông M và bà H thì kết quả như sau “Bà H vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang, bà H vắng mặt tại địa phương từ năm 2011 đến nay, hiện không biết bà H đang sinh sống tại địa chỉ mới, Ban nhân dân ấp không nắm rõ việc mâu thuẫn của vợ, chồng Ông M, bà H do không có đơn trình báo gì của họ”. Như vậy, khoảng thời gian hơn 10 năm nay, bà H không chịu trở về sống chung với Ông M, điều này chứng minh cho mối quan hệ hôn nhân giữa Ông M và bà H đã thật sự chấm dứt tình nghĩa vợ, chồng, không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau về đời sống gia đình.

Mặt khác, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H không có văn bản ý kiến, đồng thời Ông M không muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng thể hiện qua việc yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tòa án có cơ sở xác định vợ, chồng Ông M, bà H đã thật sự không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông M đối với bà H theo quy định Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Khi ly hôn, Ông M yêu cầu nuôi con Nguyễn Hồ Ngọc Ng2, sinh ngày 03-8-2005 do đang sống cùng với Ông M kể từ năm 2011 đến nay. Thời gian vợ, chồng ly thân, Ông M thực hiện tốt trách nhiệm của người cha trong việc chăm sóc, dưỡng nuôi, giáo dục con phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Theo đó, để tôn trọng ý kiến của trẻ, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho trẻ về điều kiện sinh hoạt, có môi trường sống ổn định. Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ông M được trực tiếp nuôi con

Nguyễn Hồ Ngọc Ng2, sinh ngày 03-8-2005. Ông M không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về con chung Nguyễn Hồ Kim Ng, sinh ngày 17-9-1995 và Nguyễn Hồ Kim Ng1, sinh ngày 10-7-2000 đang thành niên và có cuộc sống gia đình riêng nên Tòa án không xem xét.

[5] Ông M thống nhất không có tài sản chung và nợ chung với bà H. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M đối với bị đơn Bà Lê Thị H.

Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với Bà Lê Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày đăng ký 26-9-2003 do Ủy ban nhân dân xã B cấp cho Ông M và bà H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi con Nguyễn Hồ Ngọc Ng2, sinh ngày 03-8-2005. Ông M không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Bà H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số TU/2019/0001622 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Ông M và bà H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân